

Bản án số: 84/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 6 - 8 - 2026
Về tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Thị Mai Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thái Hưng

2. Bà Hoàng Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 6 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án khu vực 1 - Sơn La tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 289/2026/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2026 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Th Th S, sinh năm 1999, địa chỉ: Bản X, xã Y, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Đ Ng G, sinh năm: 1989, địa chỉ: Tổ X, phường Y, tỉnh Sơn La (hiện đang chấp hành án tại: Đội 14, phạt trại 4, Trại giam Phú Sơn, tỉnh Thái Nguyên). Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong các tài liệu trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Th Th S trình bày như sau:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị Th Th S và anh Đ Ng G đã đăng ký kết hôn ngày 28/7/2020 tại Ủy ban nhân dân phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La (nay là Ủy ban nhân dân phường Tô Hiệu), tỉnh Sơn La. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, anh Giang nghiện ma túy, dù đã được hai bên gia đình khuyên ngăn nhưng không từ bỏ ma túy được, hiện nay đang chấp hành án về hành vi tàng trữ ma túy. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị Sau đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Giang.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

*** Trong các tài liệu trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Đ Ng G trình bày như sau:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Th Th S đã tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 28/7/2020 tại Ủy ban nhân dân phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La (nay là Ủy ban nhân dân phường Tô Hiệu), tỉnh Sơn La. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 6 năm 2022 thì anh Giang chị Sau vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn, tỉnh Thái Nguyên, còn chị Sau chấp hành án tại Trại giam số 5 Thanh Hóa. Quá trình chung sống không phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên, nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Sau đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Giang, anh Giang nhất trí.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã giao thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ, các văn bản tố tụng để anh Giang trình bày ý kiến. Tại Văn bản đề ngày 15/7/2026, bị đơn anh Đ Ng G trình bày do hiện nay đang chấp hành án nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh tại tất cả các phiên làm việc và xét xử cho đến khi giải quyết xong toàn bộ vụ án.

Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16/7/2026, chị Sau không thay đổi về phạm vi yêu cầu khởi kiện, không ai cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu gì khác. Cùng ngày, chị Sau đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án đã lập biên bản không hòa giải được.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Th Th S trình bày ý kiến tranh luận vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Đ Ng G.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều đảm bảo đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Về việc giải quyết vụ đại diện Viện kiểm sát đề nghị: căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Th Th S. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Th Th S, xử cho chị Th Th S ly hôn với anh Đ Ng G. Về con chung, về tài sản chung, về

tài sản riêng, về nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết; về án phí: Chị Th Th S được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Th Th S khởi kiện yêu cầu ly hôn với Anh Đ Ng G có địa chỉ thường trú tại: Tổ 2 Quyết Tâm, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La. Vì vậy, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Sơn La theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự 2025.

Chị Th Th S và anh Đ Ng G đều đã có bản tự khai và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Th Th S và bị đơn anh Đ Ng G.

[2] Về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th Th S và anh Đ Ng G có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn ngày 28/7/2020 tại UBND phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La (nay là UBND phường Tô Hiệu), tỉnh Sơn La, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Sau giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị ly hôn với anh Giang do vợ chồng anh chị chung sống không có hạnh phúc, anh Giang lao vào con đường sử dụng ma túy, mặc dù gia đình can ngăn nhưng vẫn tiếp tục sử dụng và hiện đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn, tỉnh Thái Nguyên, cuộc sống chung của anh chị bị ngăn cách do anh Giang đi chấp hành án lâu ngày. Anh Đ Ng G cũng nhất trí ly hôn với chị Th Th S.

Căn cứ lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị Sau anh Giang đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân chung sống hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Th Th S được ly hôn với anh Đ Ng G.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Th Th S và anh Đ Ng G không có con chung nên Tòa án không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Th Th S và anh Đ Ng G đều khẳng định không có tài sản chung, sau này nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.4] Về tài sản riêng: Không có.

[2.5] Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của Ủy ban nhân

dân tỉnh Sơn La, nguyên đơn chị Th Th S thuộc diện được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn có đơn xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, do đó, cần miễn án phí cho nguyên đơn chị Th Th S.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nguyên đơn chị Th Th S, bị đơn anh Đ Ng G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Th Th S được ly hôn với anh Đ Ng G.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có, không xem xét, giải quyết, sau này nếu các đương sự có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

4. Về tài sản riêng, nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Th Th S.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Th Th S, bị đơn anh Đ Ng G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 1 - Sơn La;
- Thi hành án tỉnh Sơn La;
- UBND phường Y, tỉnh Sơn La (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lò Thị Mai Hương

